

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 19/2015/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định chi tiết việc lập báo cáo thẩm định trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết việc lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 2. Áp dụng mẫu báo cáo thẩm định

1. Đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm thường xuyên, việc trình duyệt hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu thuộc trách nhiệm của đơn vị do bên mời thầu thành lập hoặc lựa chọn.

2. Trường hợp lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển thì áp dụng Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Trường hợp lập báo cáo thẩm định hồ sơ mời thầu thì áp dụng Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Trường hợp lập báo cáo thẩm định hồ sơ yêu cầu thì áp dụng Mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp lập báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển thì áp dụng Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Trường hợp lập báo cáo thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ thì áp dụng Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Trường hợp lập báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ thì áp dụng Mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Đối với các gói thầu thuộc dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức, vốn vay ưu đãi phát sinh từ điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế giữa Việt Nam với nhà tài trợ, trường hợp nhà tài trợ chấp thuận thì có thể dùng theo các mẫu báo cáo thẩm định ban hành kèm theo Thông tư này; trường hợp cần thiết thì có thể sửa đổi, bổ sung các nội dung của mẫu báo cáo thẩm định ban hành kèm theo Thông tư này để phù hợp với quy định về đấu thầu trong điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế đó.

9. Đối với gói thầu áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu qua mạng thì căn cứ nội dung quy định tại Thông tư này để vận dụng cho phù hợp.

10. Đối với gói thầu áp dụng phương thức hai giai đoạn, gói thầu hỗn hợp, trường hợp lập báo cáo thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự thầu giai đoạn một, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu thì có thể vận dụng, chỉnh sửa các Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này cho phù hợp.

11. Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung trong các Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này thì tổ chức, cá nhân thực hiện việc thẩm định phải bảo đảm việc chỉnh sửa đó là phù hợp, khoa học, chặt chẽ hơn so với hướng dẫn nêu trong các Mẫu ban hành kèm theo Thông tư này và không trái với quy định của pháp luật về đấu thầu.

12. Đối với chào hàng cạnh tranh rút gọn và chỉ định thầu rút gọn, không bắt buộc phải tiến hành thẩm định Bản yêu cầu báo giá và Dự thảo hợp đồng.

Điều 3. Thời gian thẩm định

Thời gian thẩm định tối đa là 20 ngày kể từ ngày tổ chức thẩm định nhận được đầy đủ hồ sơ trình đến ngày có báo cáo thẩm định. Đối với thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu, trường hợp gói thầu áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ, thời gian thẩm định được tính là tổng thời gian thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu.

Điều 4. Yêu cầu đối với thành viên tham gia tổ thẩm định

1. Thành viên tham gia tổ thẩm định phải đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có chứng chỉ đào tạo về đấu thầu, chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu¹ theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

b) Có trình độ chuyên môn liên quan đến gói thầu;

c) Có tối thiểu 03 năm công tác trong lĩnh vực liên quan đến công việc được phân công; trường hợp đối với gói thầu được thực hiện ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn chỉ yêu cầu tối thiểu 01 năm;

d) Có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu đối với gói thầu được tổ chức đấu thầu quốc tế;

đ) Không trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định;

e) Có bản cam kết theo Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cá nhân không được tham gia thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của gói thầu mà cá nhân đó hoặc cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của cá nhân đã tham gia lập hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

3. Cá nhân không được tham gia thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả đánh giá hồ sơ đề xuất về kỹ thuật, kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu mà cá nhân đó hoặc cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột của cá nhân đã tham gia đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2016. Thông tư này thay thế Thông tư số 21/2010/TT-BKH ngày 28 tháng 10 năm 2010 của

¹ Chỉ áp dụng nội dung này khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản hướng dẫn về chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu và Thông tư số 08/2010/TT-BKH ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết lập báo cáo thẩm định kết quả đấu thầu.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Bùi Quang Vinh

Phụ lục**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢN CAM KẾT

- Tôi tên là: _____ [*Ghi tên thành viên tổ thẩm định*]
- Địa chỉ: _____ [*Ghi rõ địa chỉ*]
- Số CMND/Hộ chiếu: _____ [*Ghi số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp*]

Là thành viên tham gia thẩm định [*Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm,...*] gói thầu [*Ghi tên gói thầu*] thuộc dự án [*Ghi tên dự án*]

Tôi cam kết như sau:

- Có đủ năng lực, kinh nghiệm trong việc thẩm định đối với gói thầu đang xét, có đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật.

- Thẩm định [*Ghi nội dung thẩm định, ví dụ: hồ sơ mời quan tâm,...*] trên cơ sở trung thực, khách quan, công bằng, không chịu bất kỳ sự ràng buộc về lợi ích đối với các bên.

- Chịu trách nhiệm theo quy định tại Điều 78 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13.

Nếu tôi vi phạm nội dung cam kết nêu trên, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người cam kết[*Ký, ghi rõ họ tên*]